

**HƯỚNG DẪN TUYỂN SINH SAU ĐẠI HỌC
HỆ TẬP TRUNG THEO CHỨNG CHỈ NĂM 2022**

Trường Đại học Y Hà Nội thông báo hướng dẫn việc chuẩn bị tuyển sinh sau đại học trình độ chuyên khoa cấp I và chuyên khoa cấp II hệ tập trung theo chứng chỉ năm 2022 như sau:

1. HÌNH THỨC ĐÀO TẠO, DỰ KIẾN CHỈ TIÊU VÀ CHUYÊN NGÀNH TUYỂN SINH

- 1.1. Hình thức: tập trung từng đợt trong thời gian 03 năm.
1.2. Dự kiến chỉ tiêu và chuyên ngành tuyển sinh: Phụ lục 1.

2. ĐIỀU KIỆN DỰ TUYỂN

2.1 Người dự tuyển có đủ sức khỏe theo quy định và hiện không bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

2.2 Các điều kiện khác:

Điều kiện	Đăng kí dự thi CKI	Đăng kí dự thi CKII
Văn bằng	<ul style="list-style-type: none">- Có bằng đại học thuộc ngành đúng hoặc phù hợp với chuyên ngành đăng ký dự thi.- Người làm trong chuyên ngành liên tục từ trước ngày 01/01/2012 đến thời điểm nộp hồ sơ sẽ được đăng kí dự thi chuyên ngành mình đang làm việc.- Đối với bác sĩ YHDP tốt nghiệp sau ngày 01/01/2012 và đã được cấp chứng chỉ hành nghề phạm vi hoạt động chuyên môn là khám, phát hiện, xử trí các bệnh thông thường; xử trí ban đầu một số trường hợp cấp cứu thì được đăng ký dự thi chuyên ngành Y học gia đình.	<ul style="list-style-type: none">- Có bằng chuyên khoa cấp I hoặc bằng bác sĩ nội trú hoặc bằng thạc sĩ ngành/chuyên ngành đúng/phù hợp với ngành/chuyên ngành đăng ký dự thi.
Kinh nghiệm công tác chuyên môn	<ul style="list-style-type: none">- Có chứng chỉ hành nghề đối với các lĩnh vực yêu cầu (theo quy định tại Luật Khám bệnh chữa bệnh).- Trường hợp đăng ký dự thi chuyên ngành khác phạm vi hoạt động chuyên môn trong chứng chỉ hành nghề thì phải	<ul style="list-style-type: none">- BSNT, CKI: Được đăng kí dự thi ngay sau khi tốt nghiệp;- Thạc sĩ: Sau khi tốt nghiệp, cần công tác ít nhất 36 tháng (tính đến ngày nộp hồ sơ) trong chuyên ngành mới được đăng ký dự thi.

	có xác nhận của thủ trưởng cơ sở khám bệnh, chữa bệnh về thâm niên công tác tối thiểu 12 tháng trong chuyên ngành đăng ký dự thi. Không áp dụng cho các bác sĩ RHM, YHCT và YHDP công tác tại chuyên ngành đăng ký dự thi sau ngày 01/01/2012.
Ngoại ngữ	<p>Áp dụng với ứng viên đăng kí dự thi CKII:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ứng viên cần có chứng chỉ ngoại ngữ trình độ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận còn thời hạn tính đến ngày xét điều kiện dự thi (Phụ lục 3 và 4). Ứng viên có chứng nhận đạt chuẩn năng lực ngoại ngữ Bậc 3, sau khi trúng tuyển phải tự học và thi đạt chuẩn năng lực Bậc 4 theo Khung năng lực 6 bậc dùng cho Việt Nam trước khi xét công nhận tốt nghiệp. - Trường hợp chưa có chứng chỉ, nếu có nguyện vọng có thể đăng kí tham gia kì thi đánh giá năng lực và cấp chứng chỉ ngoại ngữ tiếng Anh Aptis do Công ty ETE Việt Nam tổ chức ôn tập tại Trường Đại học Y Hà Nội (lich ôn tập và thi do Công ty sắp xếp và công bố). - Xét miễn ngoại ngữ đầu vào cho ứng viên đáp ứng điều kiện ghi trong mục 5 về “Đối tượng và chính sách ưu tiên”.

- Ứng viên đang là học viên sau đại học của Trường Đại học Y Hà Nội và các cơ sở đào tạo khối ngành sức khỏe khác không được đăng ký dự thi. Tất cả các trường hợp vi phạm sẽ bị hủy kết quả thi.

3. HÌNH THỨC VÀ MÔN THI TUYỂN

3.1. Hình thức tuyển sinh: Theo quyết định của Hội đồng tuyển sinh Sau đại học 2022

3.2. Môn thi:

3.2.1. Đào tạo chuyên khoa cấp I: thi môn chuyên ngành và môn cơ sở (Phụ lục 2).

3.2.2. Đào tạo chuyên khoa cấp II: thi môn chuyên ngành (Phụ lục 2)

4. HỒ SƠ ĐĂNG KÍ DỰ THI (Ứng viên chuẩn bị hồ sơ và sắp xếp theo thứ tự dưới đây)

TT	Nội dung	ĐKD T CKI	ĐKD T CKII
1	Đơn đăng ký dự thi có xác nhận của cơ quan (<i>đánh máy theo mẫu</i>)	x	x
2	Bản sao công chứng: bằng và bằng điểm đại học	x	
3	Bản sao công chứng: bằng và bằng điểm sau đại học		x
4	Bản sao công chứng: bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ (nếu có)		x

5	Bản sao công chứng: chứng chỉ hành nghề (với chuyên ngành có yêu cầu)	x	x
6	Sơ yếu lý lịch có dán ảnh, đóng dấu giáp lai ảnh vào các trang, và có xác nhận của cơ quan quản lý	x	x
7	Văn bản cử đi thi của cơ quan quản lý nhân sự (với ứng viên dự thi CKI có chứng chỉ hành nghề khác chuyên ngành đăng ký dự thi, cơ quan quản lý nhân sự cần xác nhận thâm niên công tác tối thiểu 12 tháng trong chuyên ngành đăng ký dự thi)	x	x
8	Xác nhận thuộc đối tượng chính sách ưu tiên và minh chứng kèm theo	x	x
9	Giấy chứng nhận sức khỏe có dán ảnh (theo Thông tư 14/2013/TT-BYT ngày 06/05/2013 hướng dẫn khám sức khỏe) trong thời hạn 6 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ	x	x
10	2 ảnh 4x6 mới chụp trong vòng 3 tháng	x	x

5. ĐỐI TƯỢNG VÀ CHÍNH SÁCH ƯU TIÊN

5.1. Đối tượng

Mục	Nội dung chính sách ưu tiên	Xét ưu tiên		Minh chứng pháp lý
		CK I	CK II	
1	Ứng viên có thâm niên công tác tối thiểu 02 năm trở lên (tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi) tại các địa phương được quy định là Khu vực I (KVI).	x	x	- Xác nhận của cơ quan quản lý nhân sự (theo mẫu); - Bản sao công chứng quyết định tuyển dụng/tiếp nhận công tác/phân công công tác/hợp đồng lao động (chỉ tính sau thời điểm tốt nghiệp đại học/sau đại học).
2	Ứng viên là thương binh, người hưởng chính sách như thương binh	x		- Xác nhận của Phòng Lao động-TBXH (theo mẫu); - Bản sao công chứng thẻ chính sách thương binh.
3	Ứng viên là con liệt sĩ	x		- Xác nhận của Phòng Lao động-TBXH (theo mẫu); - Bản sao công chứng chứng nhận gia đình liệt sĩ.
4	Ứng viên là Anh hùng lực lượng vũ trang (AHLTVT), Anh hùng lao động (AHLĐ).	x		- Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền (theo mẫu); - Bản sao công chứng chứng nhận AHLTVT/AHLĐ.
5	Ứng viên là người dân tộc thiểu số hiện đang sinh sống và làm	x	x	- Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền (theo mẫu) về việc hiện

	việc tối thiểu 02 năm trở lên (tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi) ở địa phương được quy định là KVI.			đang thường trú, sinh sống và làm việc tại địa phương; - Bản sao công chứng Hộ khẩu thường trú (trong thời hạn 6 tháng).
6	Ứng viên là con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học, được UBND cấp tỉnh công nhận ứng viên bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập do hậu quả của chất độc hoá học.		x	- Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền công nhận ứng viên bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập. - Bản sao công chứng chứng nhận người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học.

Lưu ý: Ứng viên chỉ được xét ưu tiên khi nộp đầy đủ giấy tờ minh chứng pháp lý có xác nhận của cơ quan thẩm quyền thuộc đối tượng ưu tiên khi nộp hồ sơ đăng ký dự thi. Ứng viên có từ 02 mức ưu tiên trở lên, chỉ được lựa chọn mức ưu tiên cao nhất.

5.2. Chính sách ưu tiên

- Ứng viên dự thi tuyển CKI thuộc diện chính sách ưu tiên được cộng 1 điểm (thang điểm 10) vào môn cơ sở.

- Ứng viên dự thi tuyển CKII thuộc diện chính sách ưu tiên mục 1 hoặc mục 5 được xét miễn ngoại ngữ đầu vào. Nếu trúng tuyển phải tự học và thi đạt chuẩn năng lực ngoại ngữ Bậc 4 theo Khung năng lực 6 bậc dùng cho Việt Nam trước khi xét công nhận tốt nghiệp.

6. ĐIỀU KIỆN XÉT TUYỂN VÀ XÉT TRÚNG TUYỂN

6.1. Điều kiện xét tuyển: Thí sinh thuộc diện xét tuyển phải đạt 50% của thang điểm đối với mỗi môn thi (sau khi đã cộng điểm ưu tiên, nếu có).

6.2. Xét trúng tuyển:

- Chuyên khoa cấp I: Tính tổng điểm môn chuyên ngành và cơ sở, xếp thứ tự từ cao xuống thấp, lấy đến hết chỉ tiêu của từng chuyên ngành. Trường hợp người dự thi có tổng điểm bằng nhau xét trúng tuyển đối với người có điểm môn chuyên ngành cao hơn;

- Chuyên khoa cấp II: Tính điểm môn chuyên ngành, xếp thứ tự từ cao xuống thấp, lấy đến hết chỉ tiêu của từng chuyên ngành. Trường hợp người dự thi có điểm bằng nhau do Hội đồng tuyển sinh quyết định.

7. NHẬN HỒ SƠ VÀ KINH PHÍ TUYỂN SINH

7.1. Ứng viên ghi danh trực tuyến tại địa chỉ: <http://tuyensinhshd.hmu.edu.vn> từ 8h00 ngày 13/6/2022 đến hết 17h00 ngày 22/6/2022 (chú ý, ứng viên chỉ cần hoàn thành phần ghi danh). Sau khi ghi danh thành công, ứng viên nhận được email xác thực đăng ký trực tuyến kèm theo 01 (một) mã số (đây sẽ là mã hồ sơ đồng thời là số báo danh và mã học viên sau này khi trúng tuyển).

7.2. Trên cơ sở danh sách ghi danh trực tuyến, Trường Đại học Y Hà Nội sẽ gửi thông tin về việc tham gia ôn tập đến các ứng viên ghi danh. Việc mời tham gia ôn tập không đồng nghĩa với việc được công nhận đủ điều kiện dự thi và không đồng nghĩa với việc nhà trường sẽ tổ chức tuyển sinh theo đề xuất của cơ sở có nhu cầu đào tạo

7.3. Nộp hồ sơ trực tiếp: Sau khi Trường Đại học Y Hà Nội và cơ sở đề xuất nhu cầu đào tạo thống nhất thoả thuận về công nhận cơ sở thực hành, công nhận giảng viên thỉnh giảng và hợp đồng đào tạo, cơ sở đề xuất nhu cầu đào tạo chịu trách nhiệm thu hồ sơ của người đã đăng ký ghi danh trực tuyến và chuyển về Thường trực Ban thư kí tuyển sinh (Phòng QLĐT Sau đại học Trường Đại học Y Hà Nội) để tổng hợp, rà soát và báo cáo Hội đồng Tuyển sinh. Dự kiến họp xét điều kiện dự thi trong tháng 9 năm 2022 và phản hồi thông tin về hồ sơ ứng viên đủ điều kiện dự thi vào cuối tháng 9 năm 2022.

7.4. Kinh phí tuyển sinh và đào tạo: thực hiện theo thoả thuận của Trường và các đơn vị đề xuất nhu cầu đào tạo.

8. THỜI GIAN ÔN TẬP VÀ THI TUYỂN

8.1. Ôn tập:

- Hình thức: Trực tuyến/trực tiếp.
- Lịch ôn tập: Trực tuyến dự kiến từ 1/7/2022 - 30/7/2022 và trực tiếp theo thực tế triển khai tại các địa phương. Kế hoạch chi tiết thông báo sau ngày 24/6/2022.

8.2. Kế hoạch thi tuyển: sẽ được thông báo sau khi công bố danh sách ứng viên đủ điều kiện dự thi.

9. THỜI GIAN CÔNG BỐ KẾT QUẢ THI TUYỂN VÀ NHẬP HỌC

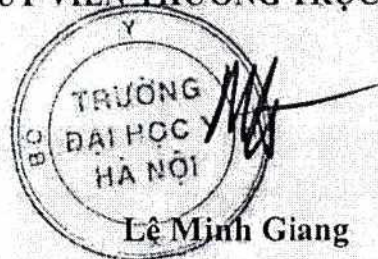
Thông tin chi tiết xem tại website: <http://sdh.hmu.edu.vn>

Đề nghị các cơ sở đề xuất nhu cầu đào tạo, cơ sở y tế tiếp nhận thông báo và tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân đủ điều kiện, có nguyện vọng dự thi kịp hoàn thành hồ sơ, nộp đúng hạn. / ✓

Nơi nhận:

- Bộ Y tế, Bộ GD & ĐT (để báo cáo);
- Hội đồng tuyển sinh 2022 (để biết);
- Hội đồng trường (để báo cáo);
- Ban giám hiệu (để báo cáo);
- Các cơ sở đề xuất đào tạo (để p/h);
- Các đơn vị trong trường (để p/h);
- Lưu: VT, SDH.

T/L HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG PHÒNG QLTSĐH
ỦY VIÊN THƯỜNG TRỰC HĐTS



Phụ lục 1:
DỰ KIẾN CHỈ TIÊU THEO CHUYÊN NGÀNH VÀ CƠ SỞ ĐỀ XUẤT
TRÌNH ĐỘ CKI, CKII HỆ TẬP TRUNG THEO CHỨNG CHỈ NĂM 2022

TT	Chuyên ngành	Nhu cầu		Đơn vị đề xuất
		CKII	CKI	
1.	Chẩn đoán hình ảnh		25	Phân hiệu Thanh Hóa
2.	Da liễu		30	Phân hiệu Thanh Hóa
3.	Gây mê hồi sức	15		Phân hiệu Thanh Hóa
4.	Kỹ thuật y học chuyên ngành xét nghiệm		60	Phân hiệu Thanh Hóa SYT Bắc Ninh
5.	Ngoại khoa	50		SYT Nghệ An SYT Bình Dương
6.	Nhãn khoa		25	SYT Nghệ An
7.	Nhi khoa	20	35	CKII: Thái Bình CKI: SYT Bình Dương
8.	Nội khoa		25	SYT Bình Dương
9.	Nội tim mạch	15		SYT Nghệ An
10.	Phục hồi chức năng		25	SYT Nghệ An
11.	Sản phụ khoa	20	50	CKII: SYT Nghệ An CKI: SYT Bình Dương & SYT Bắc Ninh
12.	Tâm thần	15		BV Tâm thần Thái Bình
13.	Truyền nhiễm và các bệnh nhiệt đới		25	SYT Bình Dương
14.	Ung thư	15	25	CKII: Phân hiệu Thanh Hóa CKI: SYT Nghệ An
15.	Quản lý Y tế	55		Phân hiệu Thanh Hóa SYT Bình Dương BVĐK Đức Giang
16.	Y học dự phòng		55	Phân hiệu Thanh Hóa SYT Phú Thọ

NK

Phụ lục 2:
CÁC MÔN THI TUYỂN

TT	Chuyên ngành	Môn cơ sở (CKI)	Môn chuyên ngành (Cả CKI và CKII)	Ghi chú
1.	Chẩn đoán hình ảnh	Giải phẫu	Chẩn đoán hình ảnh	
2.	Da liễu	Vi sinh	Da liễu	
3.	Gây mê hồi sức	Sinh lý học	Gây mê hồi sức	
4.	Kỹ thuật y học chuyên ngành xét nghiệm	Y sinh học di truyền	Đề tổng hợp: Hoá sinh lâm sàng, Huyết học-Truyền máu, Vi sinh, Ký sinh trùng lâm sàng, Giải phẫu bệnh	
5.	Nội khoa	Sinh lý học	Nội khoa	
6.	Nội tim mạch (CKII)		Nội tim mạch	
7.	Ngoại khoa	Giải phẫu	Ngoại khoa	
8.	Nhãn khoa	Giải phẫu	Nhãn khoa	
9.	Nhi khoa	Sinh lý học	Nhi khoa	
10.	Phục hồi chức năng	Sinh lý học	Phục hồi chức năng	
11.	Sản phụ khoa	Giải phẫu	Sản phụ khoa	
12.	Tâm thần	Sinh lý học	Tâm thần	
13.	Truyền nhiễm và các bệnh nhiệt đới	Vi sinh	Truyền nhiễm và các bệnh nhiệt đới	
14.	Ung thư	Giải phẫu bệnh	Ung thư	
15.	Y học dự phòng	Khoa học sức khoẻ môi trường	Dịch tễ học	
16.	Quản lý y tế (CKII)		Quản lý y tế	

1/5

Phụ lục 3:

Bảng tham chiếu quy đổi một số văn bằng, chứng chỉ Ngoại ngữ tương đương Bậc 3, Bậc 4 theo Khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam

(Theo Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/8/2021 của Bộ GD&ĐT)

Ngôn ngữ	Văn bằng/ Chứng chỉ	Trình độ/ thang điểm	
		Tương đương bậc 3	Tương đương bậc 4
Tiếng Anh	TOEFL iBT	30 – 45	46 – 93
	TOEFL ITP	450-499	
	IELTS	5.0	6.0
	Cambridge Assessment English	B1 Preliminary/B1 Business Preliminary/ Linguaskill. Thang điểm: 140-159	B2 First/B2 Business Vantage/Linguaskill. Thang điểm: 160-179
	TOEIC (4 kỹ năng)	Nghe: 275-399 Đọc: 275-384 Nói: 120-159 Viết: 120-149	Nghe: 400-489 Đọc: 385-454 Nói: 160-179 Viết: 150-179
	Aptis (Hội đồng Anh)	B1 (General)	B2 (General)
Tiếng Pháp	CIEP/Alliance française diplomas	TCF: 300-399 Văn bằng DELF B1 Diplome de Langue	TCF: 400-499 Văn bằng DELF B2 Diplome de Langue
Tiếng Đức	Goethe-Institut	Goethe-Zertifikat B1	Goethe-Zertifikat B2
	The German TestDaF language certificate	TestDaF Bậc 3 (TDN 3)	TestDaF Bậc 4 (TDN 4)
Tiếng Trung Quốc	Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK Bậc 3	HSK Bậc 4
Tiếng Nhật	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N4	N3
Tiếng Nga	TORFL - Test of Russian as a Foreign Language	ТРКИ-1	ТРКИ-2

Phụ lục 4:

Danh sách các cơ sở cấp chứng chỉ Ngoại ngữ Bậc 3, Bậc 4 theo Khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam được công nhận trong tuyển sinh sau đại học
(Theo Thông tư số 23/2017/TT-BGDĐT ngày 19/9/2017 và
Thông tư 24/2021/TT-BGDĐT ngày 08/9/2021)

TT	Cơ sở được cấp phép	Ngày có hiệu lực
1	Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội	06/12/2018
2	Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Huế	06/12/2018
3	Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng	06/12/2018
4	Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh	06/12/2018
5	Trường Đại học Hà Nội	15/05/2019
6	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	15/05/2019
7	Đại học Thái Nguyên	15/05/2019
8	Trường Đại học Cần Thơ	15/05/2019
9	Trường Đại học Vinh	07/11/2019
10	Học viện An ninh nhân dân	13/12/2019
11	Trường Đại học Sài Gòn	07/02/2020
12	Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ chí Minh	20/02/2020
13	Trường Đại học Trà Vinh	06/03/2020
14	Trường Đại học Văn Lang	12/03/2020
15	Trường Đại học Quy Nhơn	08/09/2020
16	Trường Đại học Tây Nguyên	02/02/2021
17	Trường Đại học Công nghiệp TP.HCM	09/04/2021
18	Học viện Báo chí Tuyên truyền	23/04/2021
19	Trường ĐH Công nghiệp Thực phẩm TP.HCM	15/10/2021
20	Trường Đại học Thương mại	21/12/2021
21	Học viện Khoa học Quân sự	27/12/2021

- Lưu ý: Đối với chứng chỉ ngoại ngữ tương đương cấp độ 3/6 hoặc 4/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam do các Trường Đại học tại Việt Nam cấp, chỉ chấp nhận các chứng chỉ được tổ chức thi sau ngày Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo có văn bản cho phép các Trường tổ chức thi, cấp văn bằng, chứng chỉ theo Thông tư số 23/2017/TT-BGDĐT ngày 19/9/2017 và Thông tư 24/2021/TT-BGDĐT ngày 08/9/2021

Mẫu chứng chỉ tiếng Anh 6 bậc do Bộ Giáo dục và Đào tạo qui định:

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

CERTIFICATE OF PROFICIENCY
in
Level: _____

This is to certify that

Full name: _____
Date of birth: _____
Has taken the Foreign Language Proficiency Assessment Exam based on the 6-level Foreign Language Proficiency Framework for Vietnam
Date of Exam: _____
Overall Score: _____
Listening: _____ Reading: _____
Speaking: _____ Writing: _____
Honor: _____

Decision number: _____
Certificate number: _____
Reference number: _____

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ NGOẠI NGỮ
Ngôn ngữ: _____
Bậc: _____

Cấp cho

Họ và tên: _____
Ngày sinh: _____
Đã tham dự kỳ thi đánh giá năng lực ngoại ngữ theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam
Ngày thi: _____
Điểm thi: _____
Nghe: _____ Đọc: _____
Nói: _____ Viết: _____
Thi Nội, ngày tháng năm
HIỆU TRƯỞNG

Số Quyết định: _____
Số hiệu: _____
Số vào sổ cấp bằng: _____

